TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST Ngày: 22 - 7 - 2020 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989

Cư trú: Số 819 đường H, Tổ A, khóm Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Dương Thanh L1, sinh năm 1988

Cư trú: Số 317 (Hẻm 9), đường Tr, Tổ B, khóm Đ4, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà T có mặt, ông L1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Tôn Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Thanh L1 quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/ĐX, quyển số 01/2014 ngày 14 tháng 02 năm 2014. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau từ chuyện nhỏ nhặt nhất. Bản thân bà T đã cố gắng nhưng không giải quyết được, bà cảm thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L1. Bà và ông L1 đã không chung sống từ tháng 07 năm 2019 cho đến nay.

- Về con chung: Bà T và ông L1 có một con chung là cháu Dương Tôn Bảo A1, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2015. Hiện con đang sống với bà T, khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Thanh L1 vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông L1 vắng mặt và cũng không có ý kiến cung cấp cho tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông L1 là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là có căn cứ chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu nên không xem xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T và ông L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L; bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L1; ông L1 hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố L. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa bà T với ông L1 là "tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Dương Thanh L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc bà T và ông L1 kết hôn là từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình; các bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn; nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu ly hôn với ông L1 vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ nhau. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai ông L1 đều vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông L1 không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, bà T và ông L1 không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định bà và ông L1 có một con chung là cháu Dương Tôn Bảo A1, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2015, bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Ông L1 không cung cấp ý kiến cho Tòa án về vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu A1 dưới 07 tuổi và đang do bà T nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu A1, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu A1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu và phù hợp với quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng, do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông L1 không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 9; 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nguyễn Thanh T đối với ông Dương Thanh L1.

- Về quan hôn nhân và gia đình: Bà Tôn Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Dương Thanh L1.

- Về con chung: Bà Tôn Nguyễn Thanh T và ông Dương Thanh L1 có một con chung là cháu Dương Tôn Bảo A1, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2015. Bà Tôn Nguyễn Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Dương Tôn Bảo A1.

Bà Tôn Nguyễn Thanh T và thành viên gia đình không được cản trở ông Dương Thanh L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về việc cấp dưỡng cho cháu Tôn Nguyễn Thanh T: Không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Tôn Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000773 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L (đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự*)

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. L;
- UBND p. Đ, tp. L;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang